

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 08 - 12/01/2024

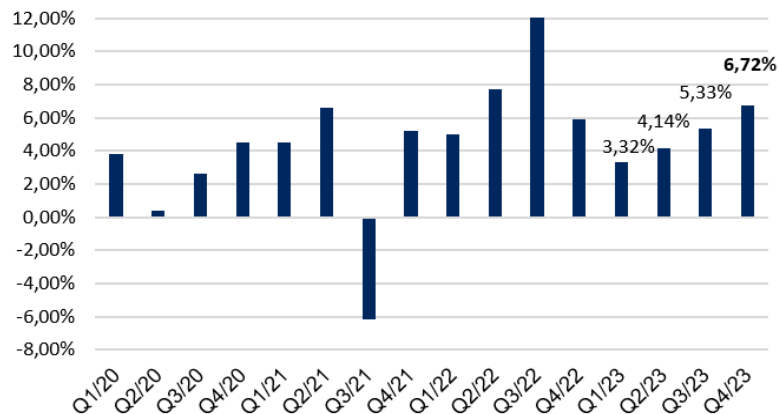


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

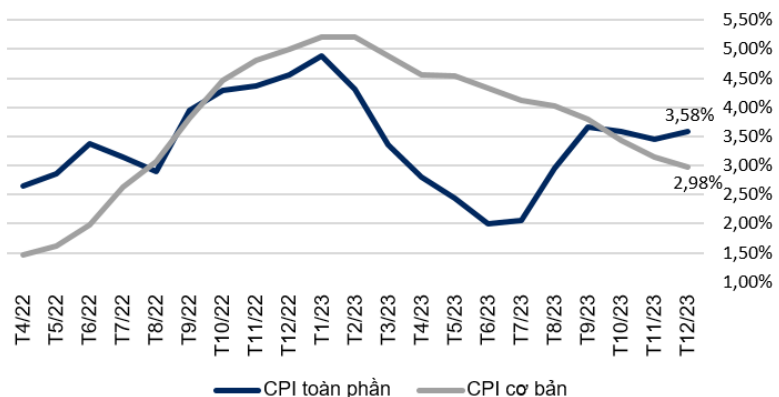


Việt Nam: Một số số liệu vĩ mô tiếp tục có sự cải thiện trong tháng 12 và quý 4

Tăng trưởng GDP của VN



Số liệu lạm phát của Việt Nam

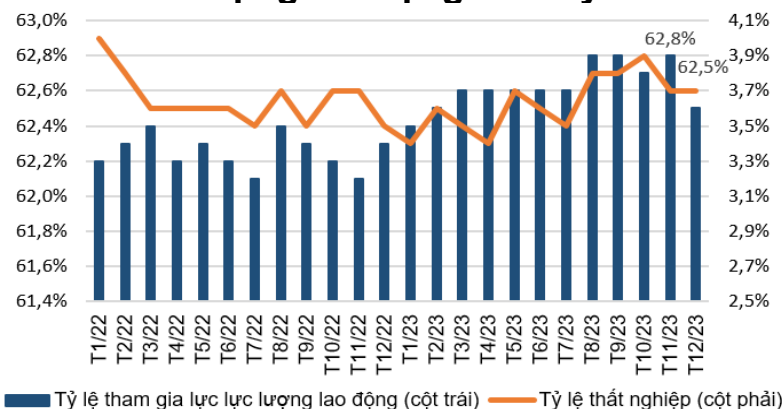


www.vndirect.com.vn

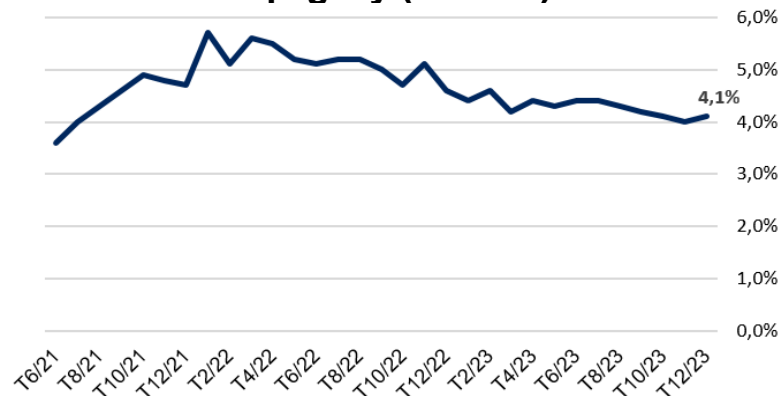
- GDP Q4/23 của Việt Nam tăng trưởng 6,72% svck, cả năm 2023 tăng trưởng 5,05% svck. Mức tăng tuy không đạt mục tiêu của năm 2023, nhưng cũng là mức khá trên nền cao của năm 2022.
 - Hoạt động xuất nhập khẩu duy trì phục hồi trong T12, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 63,54 tỷ usd, tăng 4,7% sv tháng trước và tăng 12,7% svck.
 - Lạm phát bình quân năm 2023 tăng 3,25% svck, mức tăng này đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm GDP Q4/23 tăng 6,72% svck, xu hướng tăng của GDP trong Q4/23 tiếp tục có sự cải thiện với mức tăng trưởng cao hơn các quý trước. Lũy kế cả năm 2023 GDP tăng 5,05%; mức tăng này thấp hơn mức mục tiêu được đặt gia đầu năm là 6,5% và chỉ cao hơn mức tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Chúng tôi cho rằng tuy tăng trưởng GDP năm 2023 không đạt mục tiêu đề ra, nhưng mức tăng này cũng là khá trên mức nền cao của năm 2022 cùng với xu hướng tăng tích cực, quý sau cao hơn quý trước điều này cho thấy nền kinh tế đang có đà phục hồi tốt.
- Hoạt động xuất nhập khẩu duy trì phục hồi, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa T12 ước đạt 63,54 tỷ USD, tăng 4,7% sv tháng trước và tăng 12,7% svck.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T12 tăng 0,12% mom và tăng 3,58% yoy, cao hơn so với mức tăng 3,45% yoy của T11. Trong khi CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,17% mom và tăng 2,98% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3,15% yoy của T11. Bình quân năm 2023 CPI toàn phần tăng 3,25% svck, CPI cơ bản tăng 4,16% svck, các mức tăng này đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Chúng tôi cho rằng lạm phát năm 2023 nằm trong tầm kiểm soát và đạt mục tiêu đề ra là cơ sở để VN có thể tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ phục hồi kinh tế trong năm 2024.

Thế Giới: Thị trường việc làm trong tháng 12 của Mỹ vẫn mạnh hơn dự báo

Số liệu thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ



Mức tăng thu nhập mỗi giờ của người lao động Mỹ (% svck)



www.vndirect.com.vn

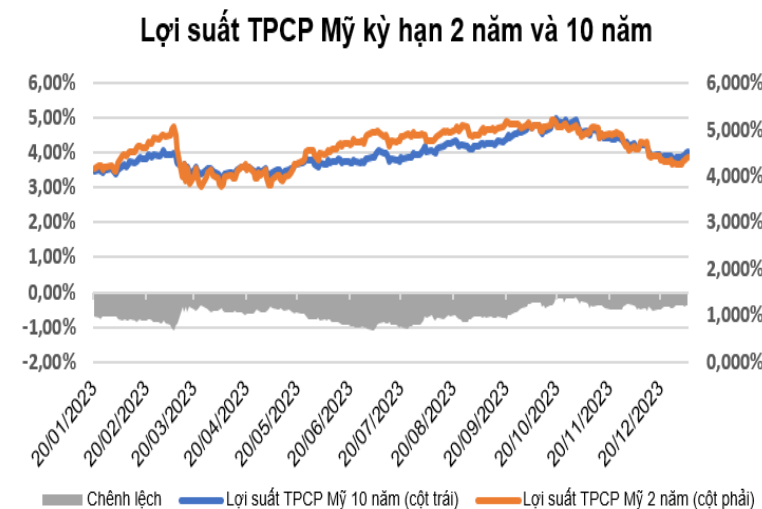
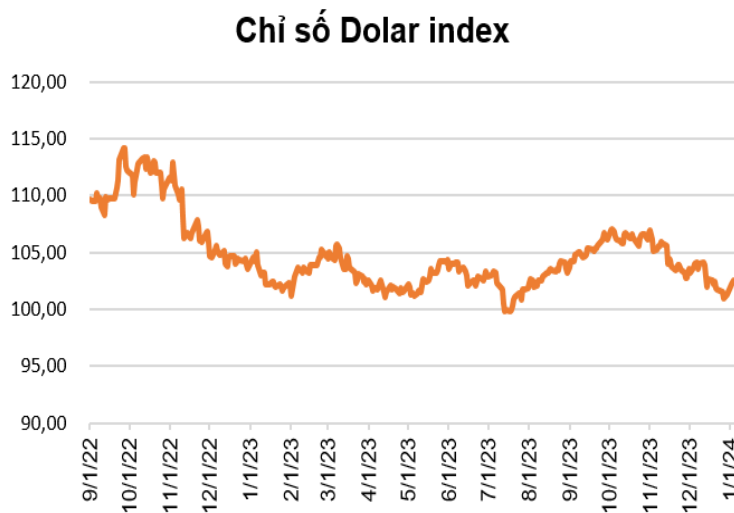
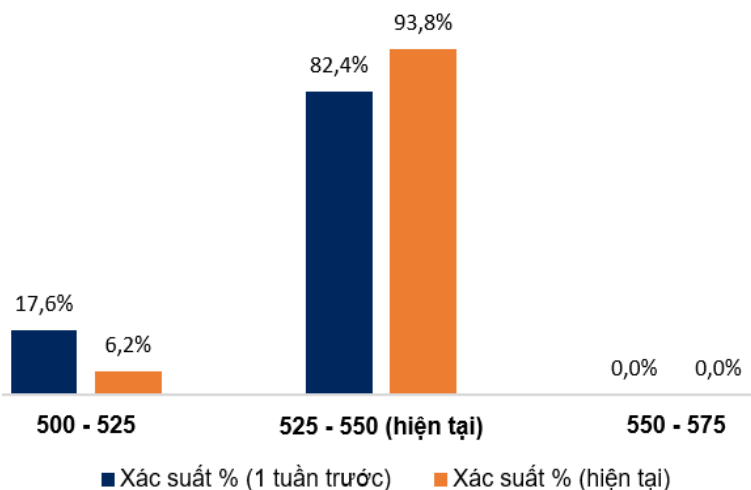
- Trong tháng 12 thị trường lao động Mỹ có 216 nghìn việc làm mới, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 3,7%; thu nhập trung bình của người lao động Mỹ tiếp tục tăng với mức tăng 0,4% mom.
- Theo biên bản cuộc họp chính sách tháng 12, các quan chức của Fed kết luận rằng việc cắt giảm lãi suất có thể xảy ra vào năm 2024, tuy nhiên không thông tin về thời điểm bắt đầu cắt giảm.
 - Theo báo cáo của bộ Lao Động Mỹ, trong T12/23 nước này có 216 nghìn việc làm mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp, mức này cao hơn so mức 173 nghìn việc làm mới trong T11 và cao hơn so với dự báo của chuyên gia là có 170 nghìn việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp trong T12 của Mỹ duy trì ở mức 3,7% và thấp hơn mức dự báo 3,8% của các chuyên gia, trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giảm xuống mức 62,5% từ mức 62,8%. Thu nhập trung bình mỗi giờ của người lao động Mỹ tiếp tục tăng trong T12 với mức tăng 0,4% mom và tăng 4,1% yoy.
 - ✓ Thị trường việc làm của Mỹ trong tháng 12 vẫn có diễn biến tốt hơn kỳ vọng, các số liệu này có thể khiến Fed sẽ trì hoãn thời điểm bắt đầu cắt giảm lãi suất.
 - Ngày 03/01/24, Fed đã công bố biên bản cuộc họp chính sách (FOMC) tháng 12 của cơ quan này. Biên bản cho thấy, các quan chức Fed cho rằng lãi suất chuẩn có thể đã đạt hoặc gần mức đỉnh trong chu kỳ thắt chặt này, tuy nhiên họ cũng lưu ý rằng lộ trình chính sách thực tế sẽ phụ thuộc vào diễn biến của nền kinh tế. Cũng theo biên bản các quan chức của Fed đã kết luận rằng việc cắt giảm lãi suất có thể xảy ra vào năm 2024, tuy nhiên không thông tin về thời điểm việc cắt giảm có thể xảy ra.

Thị trường đang dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 1.2024

93,8% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 1.2024.

DXY đóng cửa ở mức 102,44 điểm, tăng 1,09% so với tuần trước (wow) và tăng 1,09% so với đầu năm 2024 (ytd). Năm 2023 DXI đã giảm 2,11%.

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4,393% tăng 14,3 bps wow và tăng 14,3 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,051% tăng 17,2 bps wow và tăng 17,2 bps ytd



Cả chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ đều có sự phục hồi trong tuần qua khi các số liệu việc làm tháng 12 của Mỹ tốt hơn kỳ vọng làm gia tăng lo ngại Fed có thể trì hoãn đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên.

Dự báo của thị trường về quyết định lãi suất trong kỳ họp tháng 1 tới của Fed đang nghiêng về kịch bản Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp này (cuộc họp tháng 1 tới của Fed sẽ diễn ra vào ngày 31/01/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

| Ngày | Quốc gia | Thông tin công bố |
|-------------------------|------------|---|
| Thứ Năm (11/01/2024) | Mỹ | Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12.2023 |
| Thứ Sáu (12/01/2024) | Trung Quốc | Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 12.2023 |
| | Mỹ | Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 12.2023 |

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm liên tục giảm, thị trường TPDN và bất động sản trầm lắng, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

| Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính | Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính | Hành động |
|--|--|--|
| NHNN đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế | NHNN đã có 4 đợt giảm lãi suất điều hành trong nửa đầu năm 2023, đánh dấu sự đảo chiều chính sách tiền tệ trong nước nhằm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Lãi suất hạ nhiệt là thông tin tích cực đối với TTCK, giúp giảm chi phí cơ hội khi đầu tư và giảm áp lực tài chính đối với các doanh nghiệp niêm yết. Tuy nhiên, tác động của chính sách tiền tệ thường có độ trễ (khoảng 6 tháng) và do đó tác động toàn phần của chính sách này đối với nền kinh tế sẽ thể hiện rõ nhất trong giai đoạn Q3/23 và Q4/23. Bên cạnh đó, lãi suất hạ mới chỉ là điều kiện "cần", điều kiện "đủ" để triển vọng TTCK Việt Nam cải thiện rõ nét trong giai đoạn tới là "thu nhập (earnings) của thị trường phục hồi" và "thị trường TPDN phục hồi". | Nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu khi mặt bằng lãi suất trong nước đã hạ nhiệt rõ nét kể từ đầu năm 2023. Lãi suất giảm sẽ dần có tác động tích cực tới thu nhập (earnings) thị trường (đặc biệt là từ Q4/23 trở đi, cũng như giảm chi phí cơ hội khi đầu tư chứng khoán). Các nhóm ngành thường có hiệu suất tốt trong giai đoạn đầu lãi suất hạ nhiệt là: Tài chính, Công nghệ, Công nghiệp, Vật liệu xây dựng và Tiêu dùng thiết yếu. Tiền gửi tiết kiệm sẽ kém hấp dẫn hơn trong nửa sau của năm 2023. Lãi suất huy động (bình quân) kỳ hạn 12 tháng có thể về mức 5,0-5,2%/năm vào cuối năm 2023 và duy trì ở vùng thấp này trong năm 2024. Dòng tiền của nhà đầu tư có thể dịch chuyển một phần sang các kênh đầu tư khác để hưởng mức lợi suất cao hơn. Xu hướng này sẽ rõ nét hơn trong giai đoạn cuối năm 2023 và đầu năm 2024 trở đi. |
| Chính Phủ thực hiện chính sách tài khóa mở rộng, đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2023 | Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ tài khóa nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp bao gồm: (1) Nghị định 12/2023/NĐ-CP cho phép doanh nghiệp giữ lại một phần tiền thuế trong thời gian nhất định để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, (2) Nghị định 44/2023/NĐ-CP về giảm thuế GTGT (VAT) từ 10% và 8% đối với một số loại hàng hóa và dịch vụ, có hiệu lực từ ngày 1/7 đến hết năm 2023, (3) Nghị định 41/2023/NĐ-CP giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước từ ngày 1/7 đến hết năm 2023, (4) Nghị định 24/2023/NĐ-CP về tăng lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Các chính sách tài khóa đang được triển khai sẽ có tác động tích cực tới cầu tiêu dùng trong nước, qua đó cải thiện KQKD của nhóm doanh nghiệp xây dựng hạ tầng, sản xuất hàng tiêu dùng, bán lẻ và đóng góp vào sự phục hồi chung của nền kinh tế. Kênh Trái phiếu Chính phủ (TPCP) sẽ sôi động hơn trong năm 2023 do Chính phủ tích cực đi vay để tài trợ cho chính sách tài khóa mở rộng. Trong thời gian tới, kênh TPCP sẽ hấp dẫn dòng vốn đầu tư của các định chế tài chính, nhà đầu tư tổ chức nhờ xu hướng lãi suất giảm và thanh khoản cải thiện. | Ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ đầu tư công như cổ phiếu xây dựng hạ tầng, vật liệu xây dựng, cảng hàng không, BĐS khu công nghiệp. Đưa vào theo dõi và sẵn sàng nâng tỷ trọng với nhóm cổ phiếu được hưởng lợi rõ nét từ chính sách giảm thuế VAT như tiêu dùng, bán lẻ, thực phẩm, đồ uống. |
| Chính phủ chính thức ban hành Nghị định 08 về Trái phiếu Doanh nghiệp | Sau khi Nghị định 08 được ban hành, thị trường TPDN bắt đầu xuất hiện những tín hiệu phục hồi đầu tiên. Tuy nhiên, khó khăn vẫn hiện hữu khi mà danh sách doanh nghiệp chậm trả lãi và nợ gốc vẫn ngày một dày lên. Bên cạnh đó, bài toán đáo hạn TPDN trong những quý tới tại một số DN (đặc biệt là nhóm doanh nghiệp BĐS như NVL, Vạn Thịnh Phát) vẫn đang là dấu hỏi lớn. | Kênh trái phiếu doanh nghiệp hiện nay chỉ phù hợp với các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư chuyên nghiệp có am hiểu sâu về doanh nghiệp, thị trường. Nhà đầu tư cá nhân có nhu cầu đầu tư vào TPDN có thể tiếp cận kênh đầu tư này thông qua các quỹ trái phiếu có tên tuổi và uy tín. |

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

| | Ngắn hạn (< 3 tháng) | | | Trung hạn (>3 tháng - 1 năm) | | | Dài hạn (> 1 năm) | | |
|-------------------------|----------------------|-----------|----------|------------------------------|-----------|----------|-------------------|-----------|----------|
| | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
| Tiền gửi tiết kiệm | | X | | | X | | | X | |
| Cổ phiếu | | X | | | | X | | | X |
| Trái phiếu doanh nghiệp | X | | | X | | | | X | |
| Trái phiếu chính phủ | | X | | | X | | | X | |
| Bất động sản | X | | | X | | | | X | |
| Vàng | | X | | | | X | | | X |
| USD | | X | | | X | | | X | |

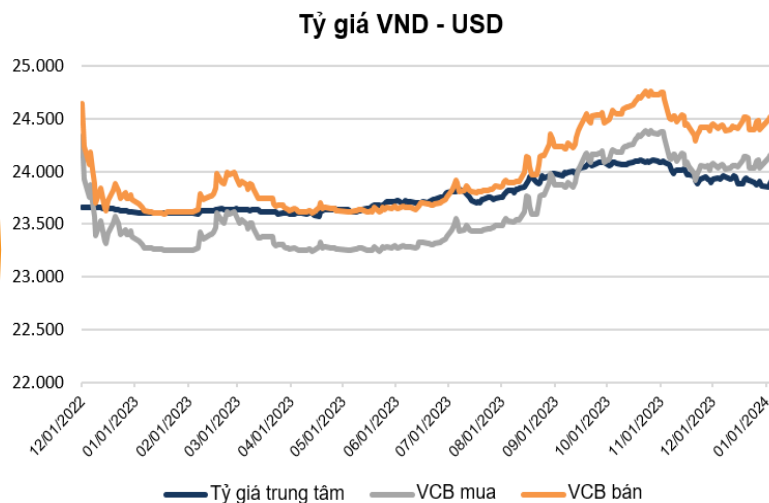
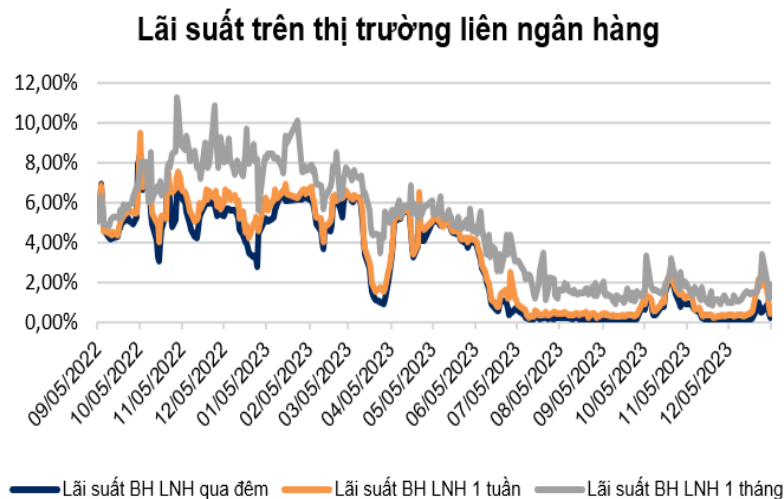
3. La bàn thị trường đa kênh tài sản



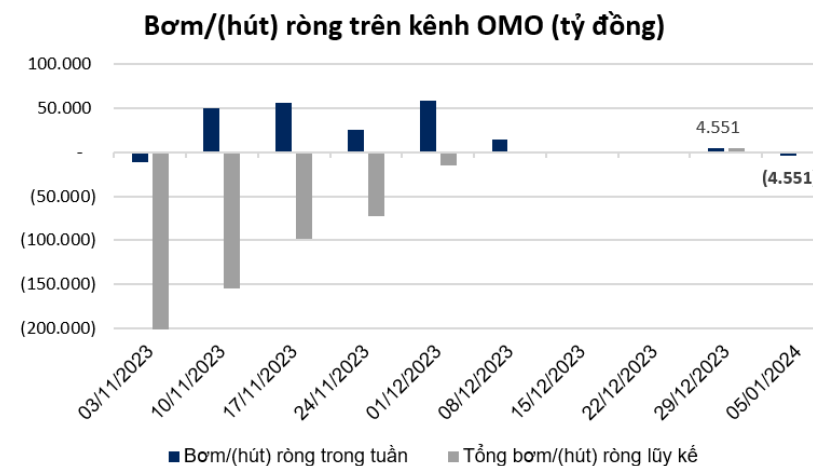
3.1 Thị trường tiền tệ VN: Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở vùng đáy

Lãi suất LNH đã giảm trở lại sau khi nhích nhẹ trong các phiên giao dịch cuối năm 2023. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 0,23% (-28 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 0,44% (-279 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 1,89% (-153 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 04/01/2024)

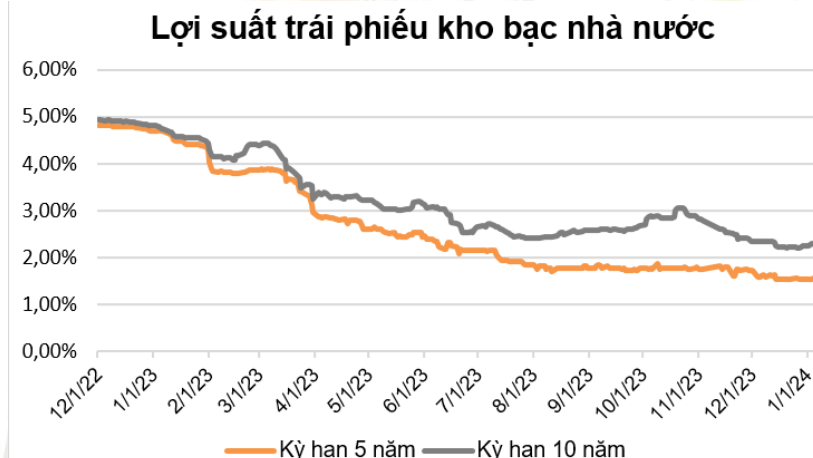
Tỷ giá USD-VND tăng nhẹ. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 24.160 đ và 24.530 đ tăng 0,46% wow và tăng 0,46% ytd. Trong khi tỷ giá trung tâm hiện là 23.932 đ, tăng 0,28% wow và tăng 0,28% ytd.



Trong tuần qua có 4.551 tỷ đồng trên kênh cầm cố đảo hạn theo đó NHNN hút ròng 4.551 tỷ đồng trong tuần qua (đây là lượng trúng thầu phiên cuối năm 2023 có kỳ hạn 7 ngày), Tổng giá trị bơm/hút ròng lũy kế đã trở về lại là 0 đồng.

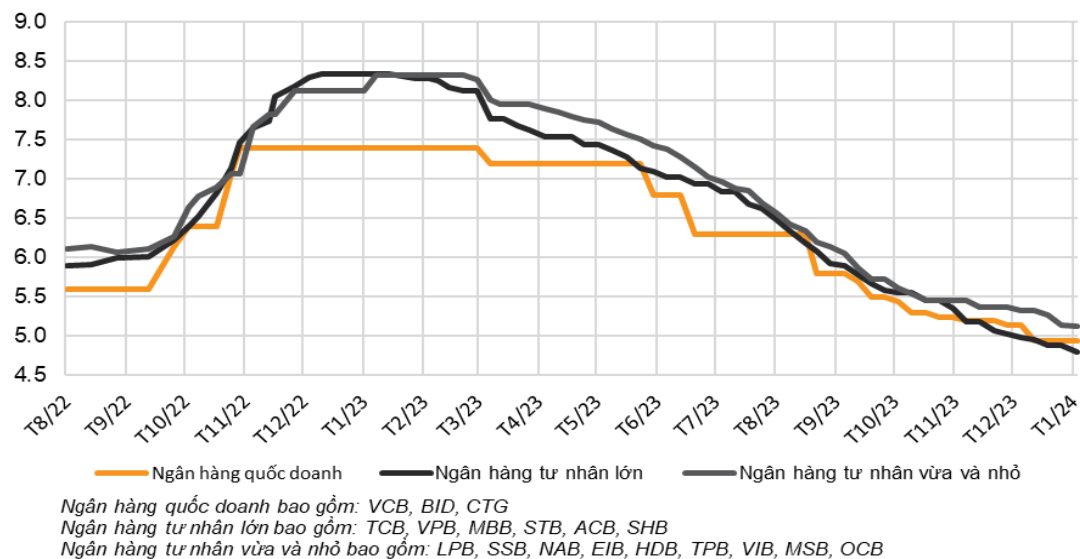


Lợi suất TP KBNN tiếp tục duy trì ở vùng đáy, lợi suất TP kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,25%, tăng 1 bps wow và tăng 1 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,55% tăng 2 bps sv tuần trước và tăng 2 bps ytd.

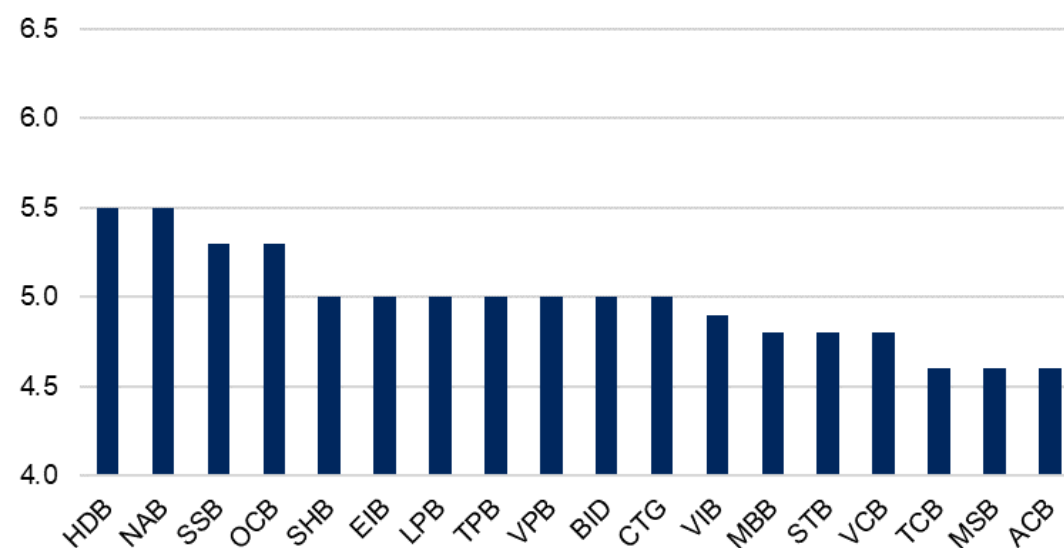


Nhóm NH tư nhân lớn tiếp tục giảm nhẹ lãi suất huy động

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của NH quốc doanh duy trì ở mức 4,9%. Trong khi các NH tư nhân lớn giảm 0,1 điểm % xuống mức 4,8%.



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

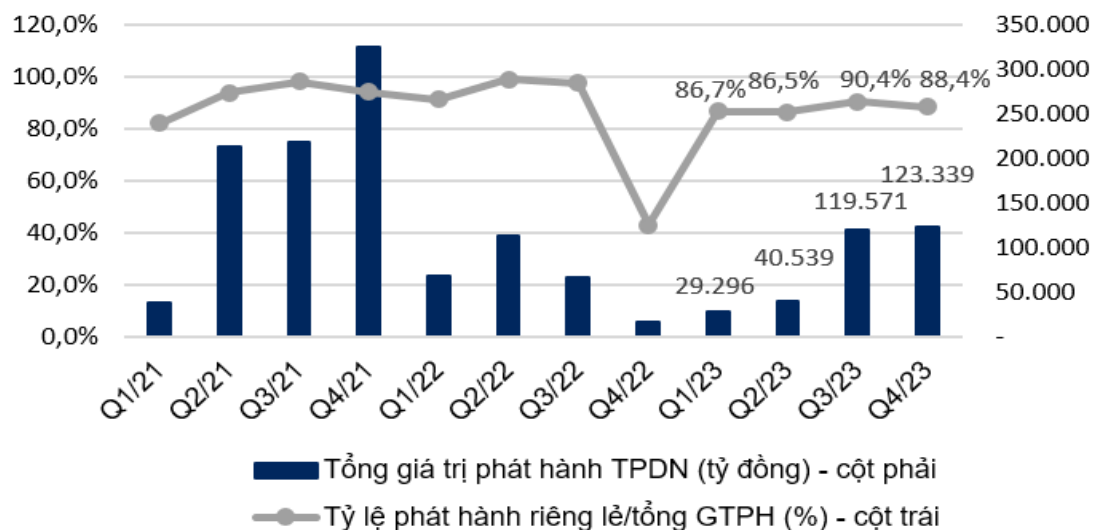


- Trong tuần từ 28/12/2023-04/01/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của nhóm NH quốc doanh đi ngang tại mức 4,93%. Trong khi đó, bình quân lãi suất của nhóm NH tư nhân lớn giảm 0,1 điểm % xuống còn 4,8%. Còn bình quân lãi suất của nhóm NH vừa & nhỏ không đổi so với tuần trước, duy trì ở mức 5,12%.
- Mặt bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tiếp tục dao động ở mức thấp, từ 4,6% - 5,5%. SHB đã giảm thêm 0,4 điểm % lãi suất tại kỳ hạn 12 tháng, trong khi TCB và EIB giảm nhẹ 0,1 điểm %. Tại kỳ hạn trung và ngắn hạn, LPB và TCB là 2 ngân hàng giảm lãi suất nhiều nhất với mức giảm: LPB và TCB đều giảm 0,5 điểm % tại kỳ hạn 6 tháng; LPB và TCB giảm lần lượt 0,6 điểm %/0,4 điểm % tại kỳ hạn 3 tháng.

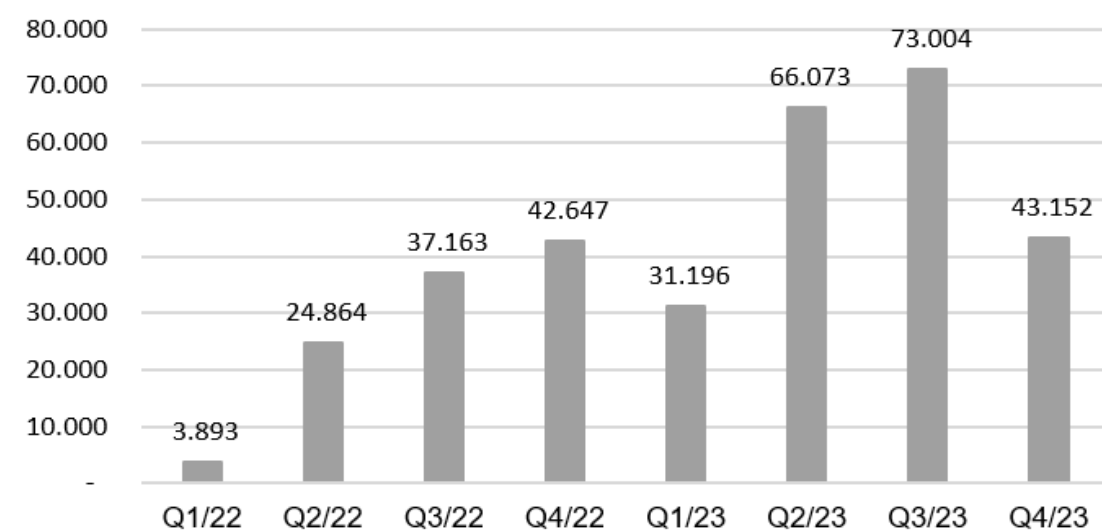
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường năm 2023 hồi phục dần sau những nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho thị trường. Hoạt động phát hành TPDN dần hồi phục, hoạt động đàm phán gia hạn kỳ hạn trái phiếu cũng diễn ra sôi động sau khi Nghị định 08 được ban hành

Hoạt động phát hành TPDN bắt đầu phục hồi kể từ cuối Q1/23 (số liệu cập nhật đến 29/12/2023)



Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2023 cao gấp 2 lần svck (Đơn vị: tỷ đồng - số liệu đã loại trừ giá trị TPDN được mua lại trước hạn)

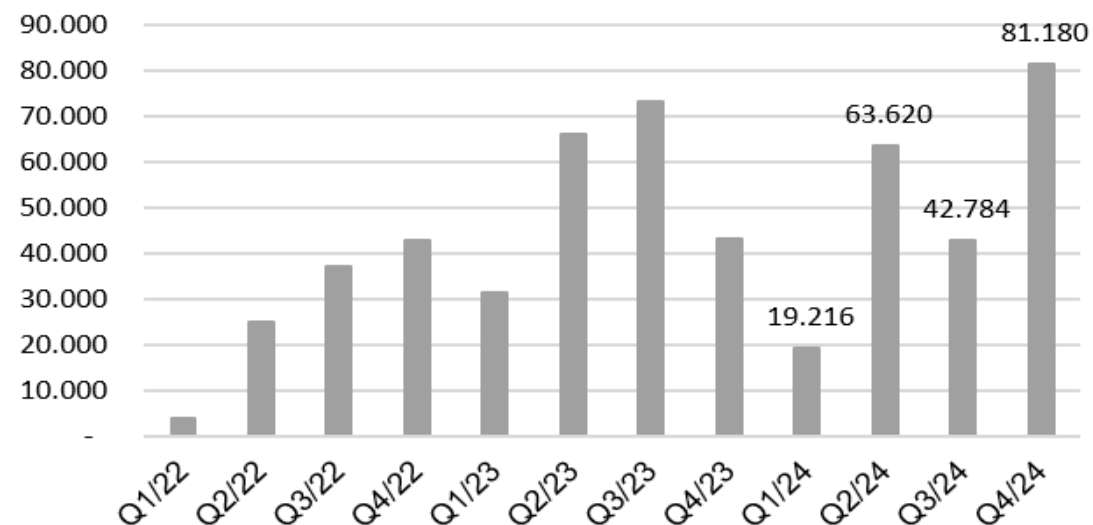


- Theo số liệu được công bố đến ngày 29/12/23, trong năm 2023 có hơn 320 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt hơn 312,7 nghìn tỷ đồng, tăng 17% svck. Kể từ cuối Q1/23, thời điểm NĐ08 được ban hành, hoạt động phát hành TPDN đã chứng kiến sự phục hồi khá tích cực.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn trong năm 2023 là hơn 216 nghìn tỷ đồng, cao gấp gần 2 lần svck, trong đó gần 46% là nhóm BĐS. Trong bối cảnh HĐKD còn nhiều khó khăn, dòng tiền eo hẹp, nhiều TCPH đã thực hiện phương án đàm phán để gia hạn kỳ hạn trái phiếu với trái chủ. Theo tổng hợp của chúng tôi, tính đến ngày 29/12 Tổng giá trị trái phiếu đã được gia hạn là khoảng hơn 116 nghìn tỷ đồng.

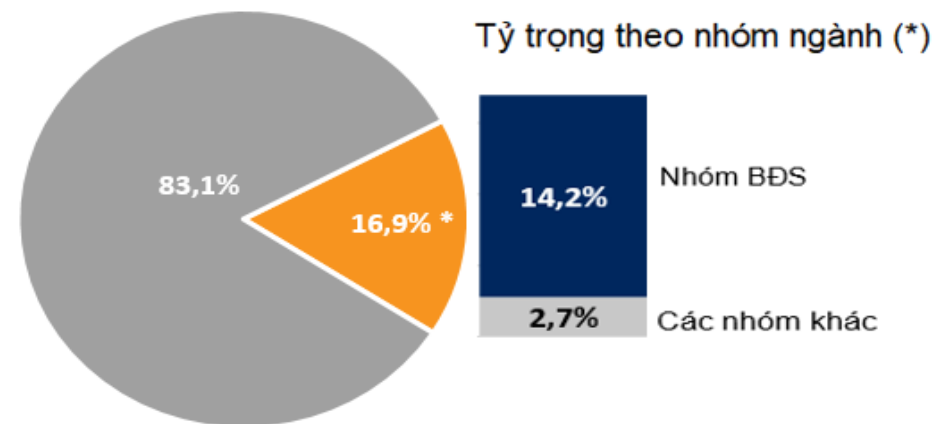
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức khi áp lực đáo hạn trong năm 2024 vẫn còn rất lớn, hoạt động phát hành TPDNRL có thể trầm lắng trở lại khi một số quy định trong NĐ08 hết thời gian ngưng hiệu lực thi hành

Áp lực đáo hạn trong năm 2024 vẫn còn lớn (số liệu đã loại trừ giá trị TPDN được mua lại trước hạn đến ngày 29/12/2023)



71 DN chậm thanh toán TPDN có dư nợ TPDN chiếm khoảng 16,9% tổng dư nợ TPDN toàn thị trường (số liệu cập nhật đến 29/12/2023)



(*) Nhóm các DN BĐS chậm thanh toán chiếm 14,2% dư nợ toàn hệ thống.

- Áp lực TPDN đáo hạn năm 2024 vẫn còn lớn, tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2024 là khoảng 207 nghìn tỷ đồng giảm 3% svck, trong đó 59,3% là của các DN BĐS. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều TCPH gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ TP đến hạn, theo tổng hợp của chúng tôi hiện có khoảng 71 TCPH chậm thanh toán nợ TP đến hạn, tổng dư nợ TPDN của 71 TCPH này là khoảng hơn 172,5 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 16,9% dư nợ TP toàn thị trường, và phần lớn trong số các TCPH này là các doanh nghiệp thuộc nhóm BĐS.
- Hoạt động phát hành TPDN có thể sẽ trầm lắng trở lại, khi các điều khoản trong NĐ08 bao gồm: quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, quy định xếp hạng tín nhiệm bắt buộc chính thức có hiệu lực thi hành (các quy định này đã được ngưng thi hành đến 31/12/23).

3.3 Thị trường Bất động sản

Luật Đất đai sửa đổi được đề nghị chưa thông qua ở kỳ họp quốc hội bất thường tháng 1/2024

Ủy ban Kinh tế đề nghị chưa thông qua dự án Luật Đất đai sửa đổi tại kỳ họp bất thường tháng 1/2024 do lo ngại nhiều rủi ro, khó đảm bảo chất lượng:

- Hiện tại dự thảo luật Đất đai sửa đổi đến nay vẫn chưa hoàn thành dù các cơ quan đã nỗ lực tiếp thu, chỉnh lý. Nguyên nhân là quá trình rà soát mất thời gian và phát sinh thêm nội dung cần làm rõ để bảo đảm không xảy ra vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn.
- Việc trình Quốc hội xem xét, thông qua vào tháng 1/2024 tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó bảo đảm chất lượng tốt nhất của dự luật. Vì vậy, Thường trực Ủy ban Kinh tế đề nghị nghiên cứu trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp giữa năm 2024.
- Ngoài ra, thường trực Ủy ban Xã hội và Thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách cũng đề nghị cân nhắc thông qua các dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) tại kỳ họp bất thường vì hai luật này tác động trực tiếp, sâu rộng đến nền kinh tế, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

3.4 Thị trường hàng hóa

Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 04/01/2024):

| | | Thay đổi giá trong 1 tuần | Thay đổi giá trong 1 tháng | Thay đổi giá trong 1 năm | Thay đổi giá từ đầu năm 2024 | Diễn biến giá trong 1 năm |
|------------------------|------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Năng lượng | Dầu thô | -1.02% | -0.56% | -0.32% | 2.24% | |
| | Khí LNG | 10.72% | -14.10% | -55.81% | 12.10% | |
| Công nghiệp - xây dựng | Than | -10.00% | -2.64% | -66.82% | 2.47% | |
| | Quặng sắt | 4.37% | 9.11% | 22.59% | -0.57% | |
| | Đồng | -2.05% | 0.62% | 2.77% | -0.94% | |
| | Niken | -4.21% | -4.24% | -46.47% | -3.19% | |
| | PVC | -1.17% | -1.48% | -8.70% | 1.60% | |
| | Cao su | 1.12% | 0.33% | 16.05% | -0.21% | |
| | Gỗ | 0.82% | 5.15% | 16.11% | 0.46% | |
| Nông nghiệp | Urê | -0.78% | -3.79% | -31.35% | -0.78% | |
| | Lúa Mỹ | -2.85% | 2.98% | -17.71% | 1.11% | |
| | Gạo tám 5% | 0.00% | 1.03% | 41.64% | 0.00% | |
| | Đường | -3.13% | -18.33% | 7.88% | 0.86% | |
| | Thịt lợn | -0.20% | 2.26% | -4.42% | 0.00% | |
| Kim loại quý | Vàng thô | -1.06% | 0.70% | 10.20% | -0.74% | |

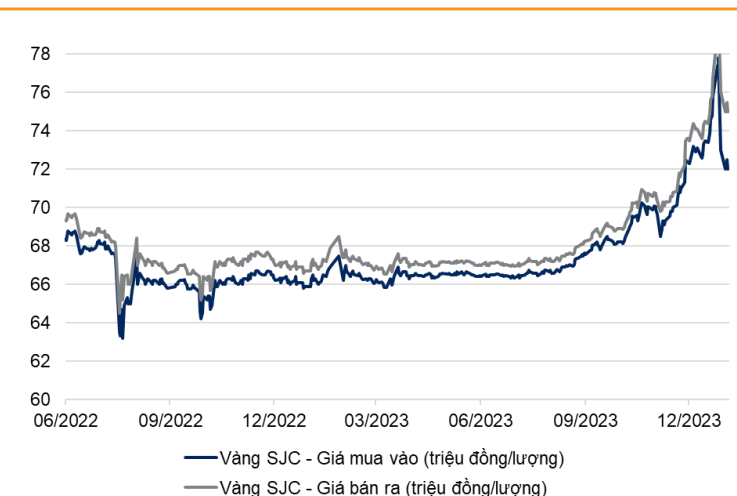
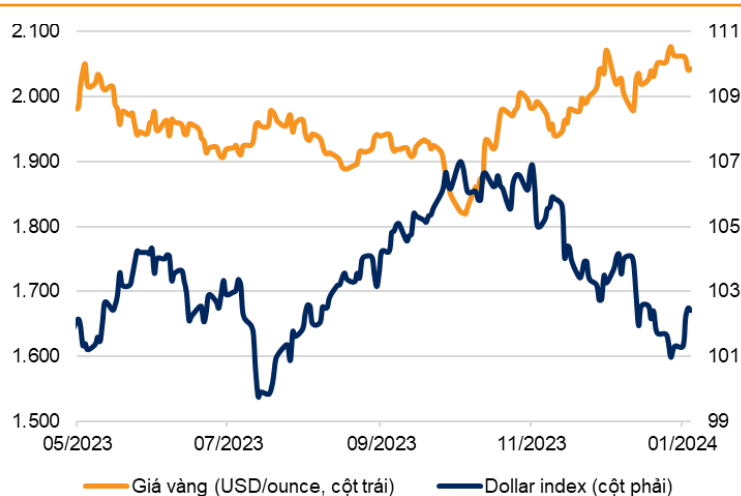
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng miếng trong nước chênh lệch cao với giá vàng thế giới, NHNN ban hành quy định quản lý mới

Tính đến ngày 04/01, giá vàng thế giới điều chỉnh -0,9% từ phiên đầu năm, và đã tăng 10,2% sv cùng kỳ

Giá vàng SJC giảm mạnh 3,4%/3,3% ở hai chiều mua-bán sv tuần trước, đạt 72,0-75,0 triệu đồng/lượng

Giá vàng trong nước và giá vàng thế giới có mức chênh lệch khá cao, lên đến 18-20 triệu đồng/lượng vào tháng 12/23



- Tuần đầu năm 2024, giá vàng thế giới điều chỉnh nhẹ sau đà tăng tích cực trong nửa cuối tháng 12, đạt mức 2.044 USD/oz tại ngày 04/01.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC quay đầu giảm kể từ phiên 28/12 sau khi NHNN ra những thông điệp về việc sẽ cân nhắc các hành động ổn định giá vàng. NHNN đã ban hành Quyết định 02 sửa đổi, bổ sung Quyết định 1623/QĐ-NHNN về việc tổ chức và quản lý sản xuất vàng miếng của NHNN, có hiệu lực từ ngày 02/01. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã cho biết sẽ xem xét sửa Nghị định 24 nhằm kiểm soát giá vàng để giá vàng miếng không chênh lệch quá lớn với giá vàng thế giới như thời gian qua.

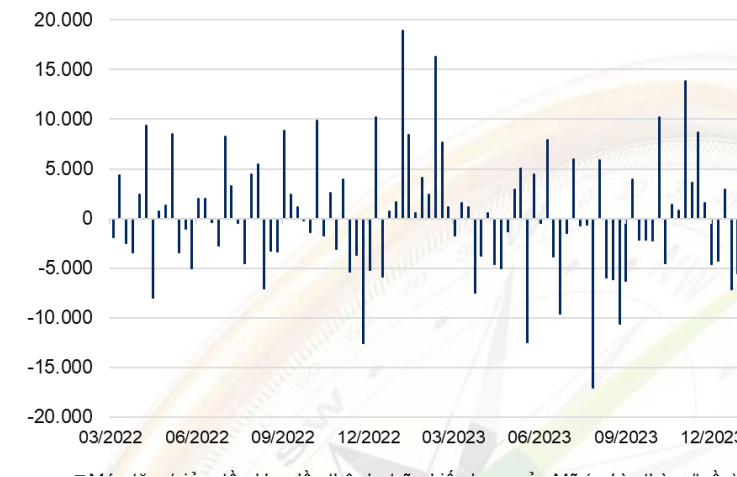
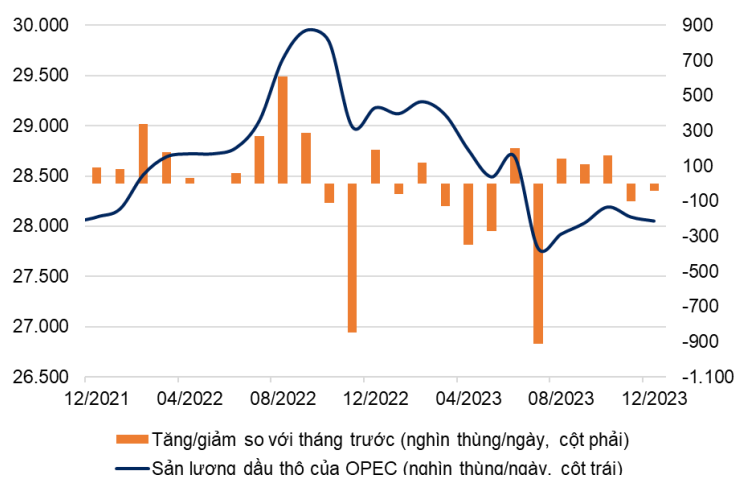
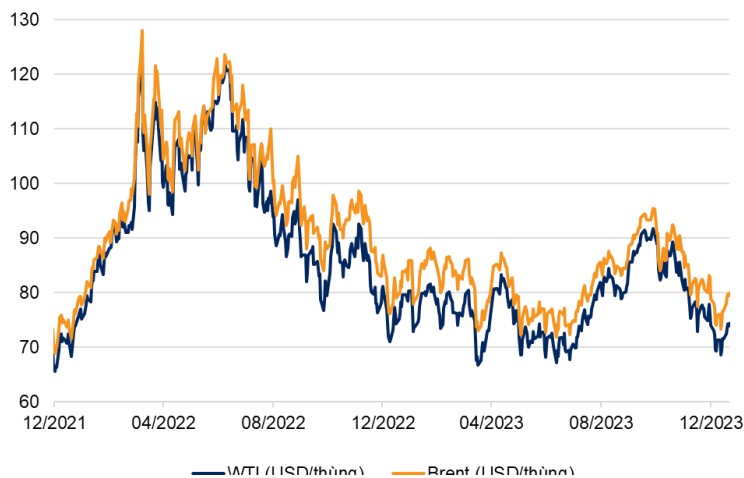
3.4 Thị trường hàng hóa

Dầu thô quay lại vùng giá tại thời điểm đầu năm 2023

Tính đến ngày 04/01, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt tăng 0,8%/0,7% sv đầu năm, đạt 72,2 và 77,6 USD/thùng

Nguồn cung dầu thô từ OPEC ước đạt gần 341,5 triệu thùng/ngày trong năm 2023, giảm 6,8 triệu thùng/ngày sv năm 2022

Kho dự trữ chiến lược tại Mỹ thâm hụt gần 14 triệu thùng trong tháng 12/23, cả năm thặng dư 10 triệu thùng.



- Trong năm 2023, OPEC đã cung cấp ra thị trường gần 341,5 triệu thùng dầu/ngày, giảm 6,8 triệu thùng svck (theo ước tính của Bloomberg). Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế khó khăn trong năm 2023 đã khiến cho sức tiêu thụ dầu thô suy yếu. Điều này phần nào được thể hiện qua việc tồn kho dầu thô tại kho dự trữ chiến lược của Mỹ đã ghi nhận thặng dư trong năm 2023, ở mức 10,4 triệu thùng.
- Giá dầu thô thu hẹp đà tăng trong tuần đầu tháng 1/2024, đạt lần lượt 72,2 – 77,6 USD/thùng đối với dầu WTI và dầu Brent tại ngày 04/01, đây là các mức giá đã giảm 0,9%/0,3% svck. Trong Q1/24, việc OPEC tiếp tục thực hiện kế hoạch cắt giảm sản lượng và các vấn đề địa chính trị đang là những yếu tố hỗ trợ cho giá dầu.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

| Chỉ số | Quốc gia | 1 tuần | 1 tháng | Từ đầu năm 2024 | 1 năm |
|-------------------------|------------|--------|---------|-----------------|---------|
| Dow Jones | Mỹ | -0,59% | 3,36% | -0,59% | 11,40% |
| S&P 500 | Mỹ | -1,52% | 2,02% | -1,52% | 20,59% |
| Nasdaq | Mỹ | -3,25% | 0,83% | -3,25% | 37,42% |
| Euro Stoxx 50 | EU | -1,29% | -1,32% | -1,29% | 11,09% |
| FTSE 100 | Anh | -0,56% | 1,79% | -0,56% | -0,13% |
| Nikkei 225 | Nhật Bản | -0,26% | 3,31% | -0,26% | 28,50% |
| Shanghai | Trung Quốc | -1,54% | -1,36% | -1,54% | -7,24% |
| Hang Seng | Trung Quốc | -2,30% | 0,78% | -2,30% | 21,89% |
| Taiwan Weighted | Đài Loan | 0,86% | 3,40% | 0,86% | -14,69% |
| SET | Thái Lan | -2,91% | 2,39% | -2,91% | 12,58% |
| KOSPI | Hàn Quốc | -2,91% | 2,39% | -2,91% | 12,58% |
| Malaysia Top 100 | Malaysia | 2,47% | 4,31% | 2,47% | 3,89% |
| STI Index | Singapore | -1,73% | 2,37% | -1,73% | -2,82% |
| IDX Composite | Indonesia | 1,07% | 2,67% | 1,07% | 9,96% |
| PHS All Shares | Philippine | 2,28% | 5,19% | 2,28% | -0,30% |
| VN30 | Việt Nam | 2,62% | 4,15% | 2,62% | 9,81% |
| VN100 | Việt Nam | 2,03% | 3,19% | 2,03% | 15,45% |

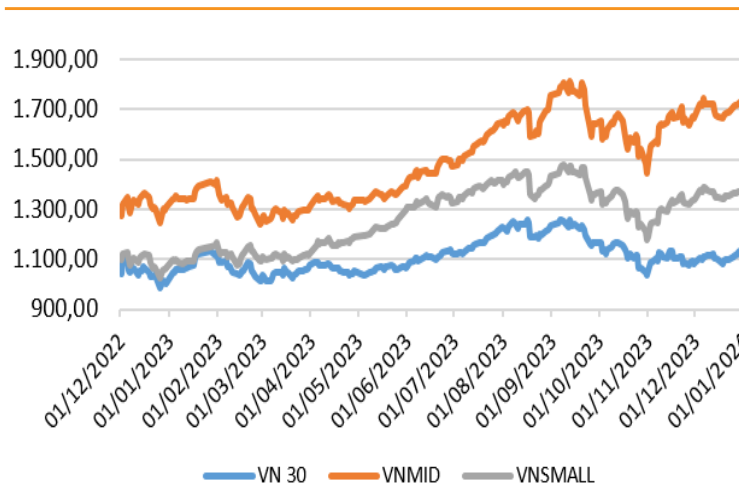
Thị trường chứng khoán Mỹ có tuần điều chỉnh đầu tiên sau 8 tuần tăng liên tiếp. Trong bối cảnh thị trường lao động của Mỹ vẫn mạnh hơn dự báo, điều này đồng nghĩa với việc Fed có thể trì hoãn đợt hạ lãi suất đầu tiên, và các nhà đầu tư có thể cũng phải điều chỉnh lại kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất của Fed trong năm 2024. Trước đó thị trường đang hy vọng Fed sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất sớm nhất vào tháng 3/2024 và sẽ hạ lãi suất 6 lần vào năm 2024. Kết tuần chỉ số Nasdaq giảm 3,25, S&P 500 và Dow Jones giảm lần lượt 1,52% và 0,59%.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường duy trì đà tăng với thanh khoản tiếp tục cải thiện

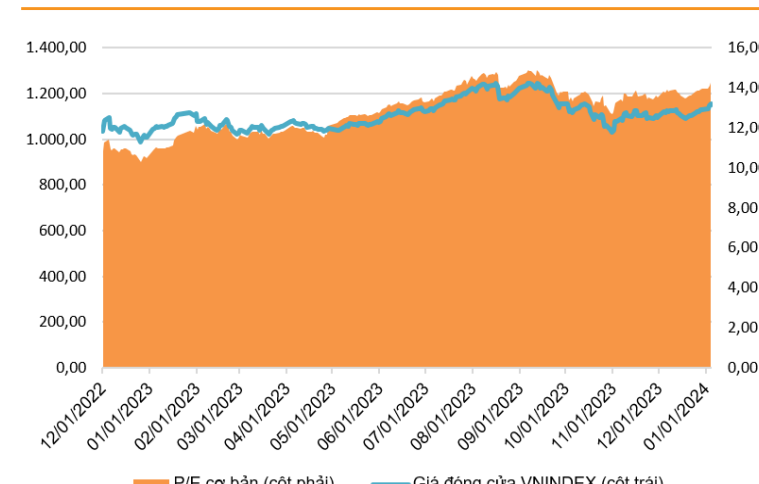
VN-Index tăng tuần thứ 2 liên tiếp, kết tuần tại mức 1.154,68 điểm, tăng 2,19% sv tuần trước



Các chỉ số VN30/VNMID/VNSMALL đều tăng với mức tăng lần lượt là 2,62%/0,68%/1,74%



P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 14,2x.



- Với cả 4 phiên tăng điểm, VN-Index có tuần đầu năm 2024 tăng khá tích cực. Kết tuần VN-index tăng 24,75 điểm (+2,19%) lên 1.154,68 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục cải thiện và cao hơn mức trung bình, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 777,1 triệu cp/phiên, tăng 44,2% so với tuần trước và cao hơn 26,1% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại đã trở lại bán ròng ngay sau 1 tuần mua ròng, giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE của khối này là hơn 999 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán duy trì mua ròng tuần thứ 2 liên tiếp, với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 810 tỷ đồng.
- Các mã VCB và MBB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 8,24 điểm và 2,41 điểm. Ở chiều ngược lại BCM, VIC là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo giảm lần lượt 0,62 điểm và 0,48 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

| Ngành | 1 tuần (%) | 1 tháng (%) | Từ đầu năm (%) | P/E (lần) | P/B (lần) | % thay đổi khối lượng (1 tuần) |
|---------------------|------------|-------------|----------------|-----------|-----------|--------------------------------|
| Bán lẻ | 1,9% | 7,4% | 1,9% | 55,2 | 2,63 | 27,1% |
| Bảo hiểm | 0,7% | 0,4% | 0,7% | 13,1 | 1,31 | 19,1% |
| Bất động sản | -0,5% | 1,5% | -0,5% | 14,8 | 1,36 | -2,1% |
| Công nghệ TT | 1,2% | 4,5% | 1,2% | 21,7 | 3,79 | 102,2% |
| Dầu khí | 1,5% | -1,5% | 1,5% | 11,2 | 1,25 | 48,1% |
| Dịch vụ tài chính | 1,2% | 0,5% | 1,2% | 28,4 | 1,92 | 56,0% |
| Hóa chất | 1,6% | 3,0% | 1,6% | 18,0 | 1,58 | 29,3% |
| Ngân hàng | 4,9% | 5,8% | 4,9% | 9,7 | 1,57 | 44,9% |
| Tài nguyên cơ bản | -0,4% | 1,5% | -0,4% | 1.622,4 | 1,33 | 3,0% |
| Thực phẩm & Đồ uống | 1,3% | 2,9% | 1,3% | 22,28 | 2,53 | 1,1% |
| Viễn thông | 2,6% | 2,5% | 2,6% | 311,0 | 2,76 | 2,7% |
| Xây dựng & Vật liệu | -0,1% | -0,9% | -0,1% | 34,6 | 1,37 | 17,5% |
| VN-Index | 2,20% | 3,1% | 2,2% | 14,2 | 1,7 | 44,2% |

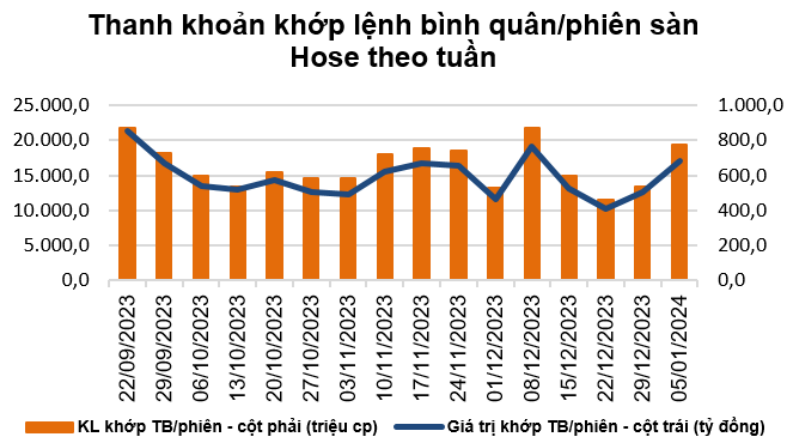
Hầu hết các nhóm ngành đều có sự phục hồi tích cực cả về điểm số và thanh khoản trong tuần giao dịch đầu tiên của năm 2024.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng với các thông tin hỗ trợ: tăng trưởng tín dụng năm 2023 gần đạt chỉ tiêu và mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 ở mức cao là 15% và được NHNN giao ngay từ đầu năm đã có diễn biến tích cực và dẫn dắt thị trường chung trong tuần qua. Hầu hết các mã đều tăng với thanh khoản đột biến như MBB (+9,92%), VCB (+7,35%), OCB (+7,15%), CTG (+7,01%), SHB (+6,94%) ...

Trong khi nhóm cổ phiếu Chứng khoán, BĐS có diễn biến phân hóa. Một số mã có mức tăng khá với thanh khoản gia tăng như: SSI (+4,12%), HCM (+3,55%), NTL (+8,61%), NDN (+4,12%) ... Một số mã vẫn chịu áp lực điều chỉnh như: VFS (-3,03%), VIX (-2,05%), HDG (-2,54%), SCR (-1,62%), NVL (-1,17%) ...

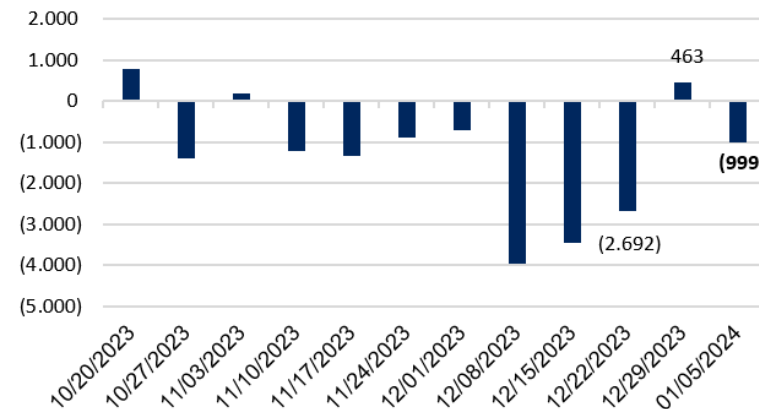
3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục cải thiện và khối ngoại trở lại bán ròng

Thanh khoản phục hồi, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 777,1 triệu cp/phiên, tăng 44,2% sv tuần trước và cao hơn 26,1% so với trung bình 4 tuần gần nhất.

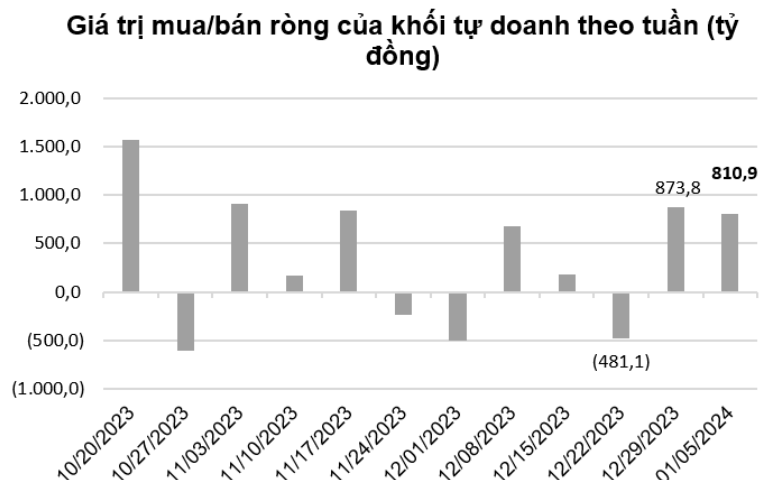


Khối ngoại trở lại bán ròng chỉ sau 1 tuần mua ròng trước đó, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 999 tỷ đồng.

Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại theo tuần (tỷ đồng)

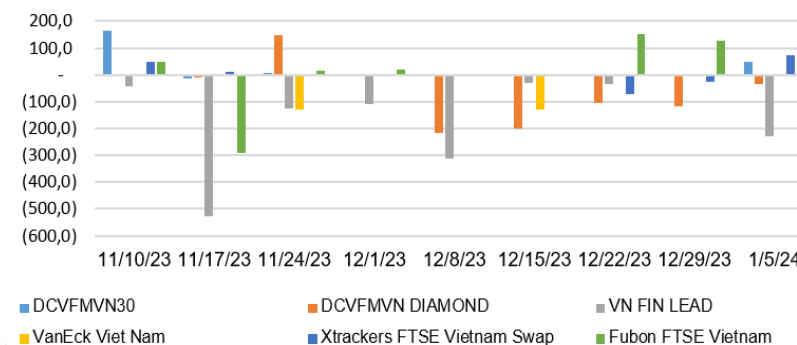


Khối tự doanh duy trì mua ròng tuần thứ 2 liên tiếp, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần của khối tự doanh là hơn 810 tỷ đồng



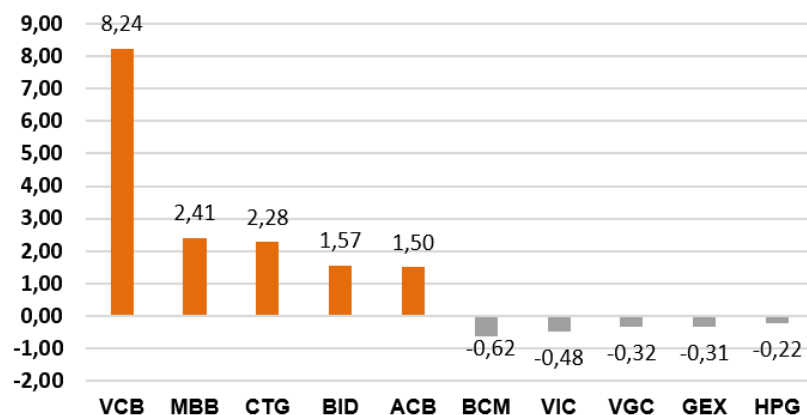
Một số quỹ ETF thực hiện cơ cấu danh mục trong tuần qua, quỹ DIAMOND và quỹ VNFin Lead bán ròng lần lượt 34 tỷ đồng và 228,8 tỷ đồng. Trong khi quỹ Xtracker FTSE mua ròng 73 tỷ đồng.

Giá trị mua/(bán) ròng của một số quỹ ETF lớn trong tuần (tỷ đồng)

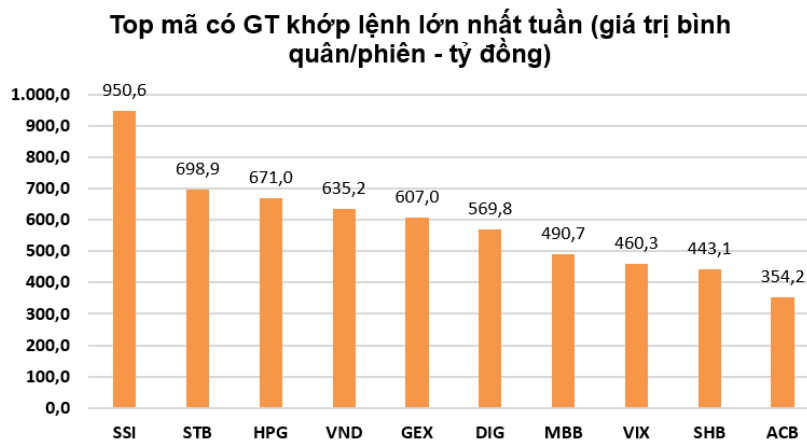


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục cải thiện và khối ngoại trở lại bán ròng

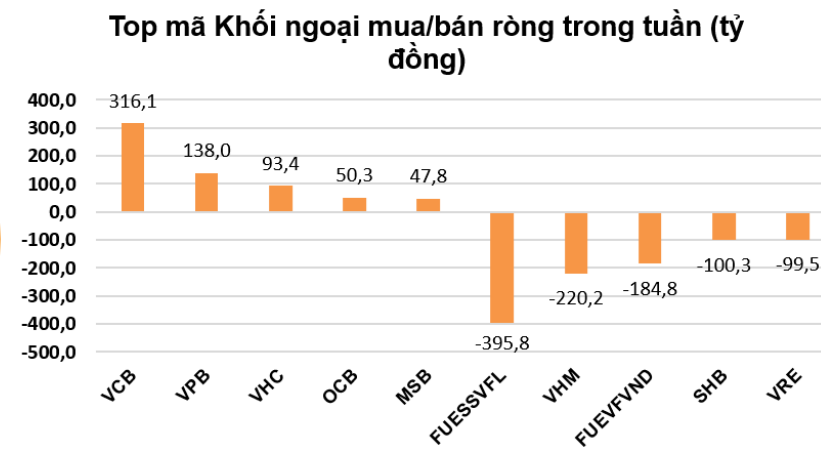
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



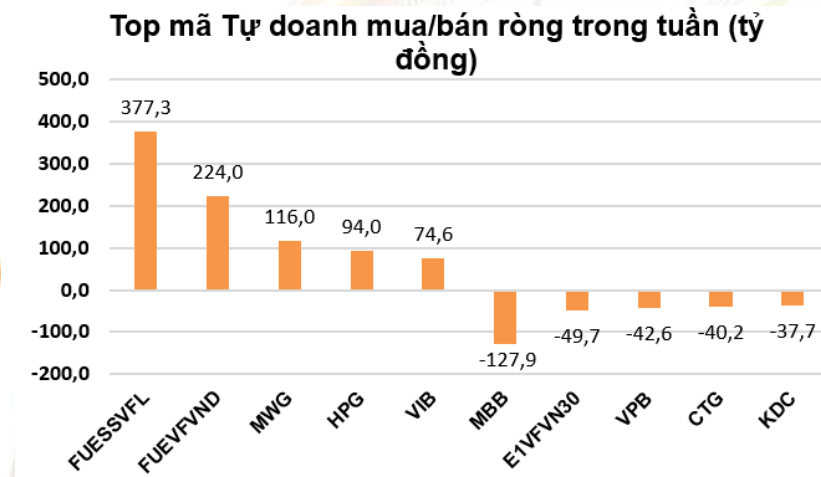
SSI là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp trung bình hơn 950 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã STB và HPG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 698 tỷ đồng và hơn 671 tỷ đồng



Trong tuần từ 02 – 05/01 VCB là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị là hơn 316 tỷ đồng. Ngược lại, CCQ FUESSVFL là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 395,8 tỷ đồng.



Trong tuần 02 – 05/01 CCQ FUESSVFL là mã được tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 377 tỷ đồng, trong khi MBB là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 127 tỷ đồng.



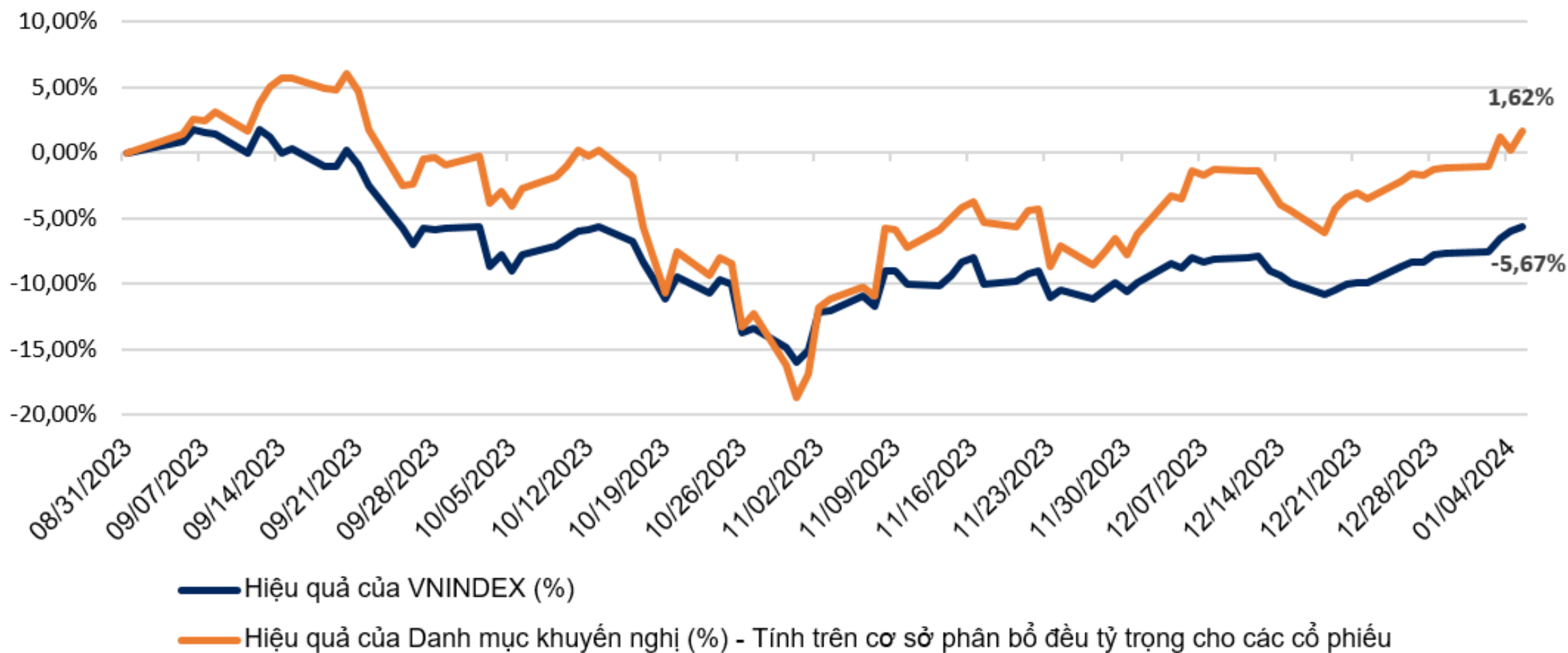
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

| STT | Mã CP | Ngày khuyến nghị | Báo cáo khuyến nghị | Chủ đề đầu tư | Hiệu quả tuần qua | Hiệu quả từ lúc khuyến nghị | Giá mục tiêu (đ/cp) | Upside còn lại |
|-----|-------|------------------|--|------------------------------------|-------------------|-----------------------------|---------------------|----------------|
| 1 | HPG | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Đầu tư công | -0,5% | 0,0% | 34.900 | 25,5% |
| 2 | HHV | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Đầu tư công | 4,2% | 10,2% | 19.500 | 21,1% |
| 3 | MWG | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Bán lẻ dần hồi phục | 2,5% | -19,2% | 61.500 | 40,3% |
| 4 | MBB | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn | 9,9% | 7,0% | 25.400 | 23,9% |
| 5 | VIB | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn | 5,6% | 0,5% | 25.900 | 25,1% |
| 6 | KBC | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Xu hướng tích cực của dòng vốn FDI | 0,6% | -6,6% | 40.000 | 25,2% |
| 7 | VHC | 02/10/2023 | La bàn đầu tư tháng 10 | Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu | -10,9% | -18,1% | 91.200 | 37,6% |
| 8 | DGW | 02/11/2023 | La Bàn Đầu Tư tháng 11 | Bán lẻ dần hồi phục | 6,3% | 23,0% | 61.600 | 10,8% |
| 9 | CTG | 04/12/2023 | La Bàn Đầu Tư tháng 12 | Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn | 7,0% | 9,2% | 34.600 | 19,3% |

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

| STT | Mã CP | Ngày khuyến nghị | Báo cáo khuyến nghị | Chủ đề đầu tư | Giá mục tiêu (đ/cp) | Ngày đạt giá mục tiêu |
|-----|-------|------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | DGW | 05/09/2023 | La bàn đầu tư tháng 9 | Bán lẻ hồi phục dần | 61.600 | 11/09/2023 |

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

